

Số: 4822/GPMT-UBND

Cần Giuộc, ngày 06 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Cần Giuộc thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “SIÊU THỊ CO.OPMART CẦN GIUỘC”;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại TP.HCM - CO.OPMART CẦN GIUỘC về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “SIÊU THỊ CO.OPMART CẦN GIUỘC” ngày 19 tháng 8 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ kiểm tra tại Tờ trình số 2117/TTr-TKT ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại TP.HCM - CO.OPMART CẦN GIUỘC, địa chỉ tại tuyến tránh QL50, khu phố Thanh Ba, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc” địa chỉ tuyến tránh QL50, khu phố Thanh Ba, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở đầu tư: Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc.

1.2. Địa điểm hoạt động: tuyến tránh QL50, khu phố Thanh Ba, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-046 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2018; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 1 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-046.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh siêu thị Co.opmart phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi: Cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc” có diện tích 5.212 m² được UBND tỉnh Long An Quyết định chủ trương đầu tư số 464/QĐ – UBND ngày 5/2/2018 về việc chấp thuận nhà đầu tư Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM đầu tư dự án “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc”.

- Quy mô: Cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc” có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có tổng vốn đầu tư dự án là 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng) thuộc lĩnh vực quy định tại Mục V Phần A và dự án thuộc Mục IV, nhóm B (từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng) quy định tại Phụ lục I về phân loại dự án đầu tư công ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc” đã được UBND huyện Cần Giuộc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 28/GXN-UBND ngày 13/4/2018 và theo Công văn số 1269/KSONMT-CN&NH ngày 10/5/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc xác định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường, có nội dung “Cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đăng ký đề án đơn, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thì thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường)”.

1.6.2. Công suất: Cơ sở phục vụ tối đa cho khoảng 680 khách/ngày, tương đương 250.000 khách/năm.

1.6.3. Quy trình kinh doanh của cơ sở:

- Quy trình kinh doanh hàng khô: Hàng hoá từ các nơi nhập về kho của siêu thị → hàng khô → trưng bày → bao gói → bán cho khách hàng

- Quy trình kinh doanh hàng tươi sống: Hàng hoá từ các nơi nhập về kho của siêu thị → sơ chế + tắm ướp → trưng bày → cân, bao gói → bán cho khách hàng

- Quy trình kinh doanh khu vực tự kinh doanh ăn uống của Lotteria: Nguyên liệu (gà, bò, tôm đông lạnh, gia vị...) → rửa đông → sơ chế + tắm ướp → Chiên → bán cho khách hàng.

- Quy trình kinh doanh khu vực tự kinh doanh ăn uống của Aloha: Nguyên liệu (gà, bò, tôm đông lạnh, gia vị...) → rửa đông → sơ chế + tắm ướp → Chiên → bán cho khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - CO.OPMART CẦN GIUỘC được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - CO.OPMART CẦN GIUỘC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 06 tháng 9 năm 2024 đến ngày 06 tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giuộc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại TP.HCM - CO.OPMART CẦN GIUỘC;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giuộc;
- UBND thị trấn Cần Giuộc;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cần Giuộc;
- Lưu: VT, PTNMT. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Đức



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4822/GPMT-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Cần Giuộc)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ khu chế biến, quây cá, tủ trữ lạnh của siêu thị có lưu lượng khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ cửa hàng Aloha có lưu lượng tối đa là: $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ cửa hàng Lotteria có lưu lượng tối đa là: $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng với lưu lượng tối đa là $12,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nguồn số 05: Nước thải từ khu vực nhà chứa rác: nước thải vệ sinh thùng rác khoảng $1 \text{ m}^3/\text{tuần}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước trên tuyến tránh QL50 sau đó chảy ra rạch Trị Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực, tuyến tránh QL50.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1172843$; $Y = 599159$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, $6,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý được bơm vào hồ ga đầu nối, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung khu vực tuyến tránh QL50 theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả bằng hình thức dùng bơm, chế độ xả thải không liên tục, chu kỳ xả 4 lần/ngày, thời gian xả thải trong 1 chu kỳ 1 giờ/chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, $K = 1,0$ cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH		5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo khoản 6 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường khuyến khích chủ dự án quan trắc nước thải 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ 20°C	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ 1 sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải bằng đường ống PVC, chiều dài 19m.

- Nguồn số 02: Được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ 2 sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải bằng đường ống PVC, chiều dài 54m.

- Nguồn số 03: Được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ 3 sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải bằng đường ống PVC, chiều dài 90m.

- Nguồn số 04: Được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó tự chảy

về trạm xử lý nước thải bằng đường ống PVC, chiều dài 3m.

- Nguồn số 05: Được dẫn về trạm xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý nước thải

+ Nước thải (nguồn số 01, 02, 03) → Bể tách mỡ → Bể thu gom

+ Nước thải (nguồn số 04) → Bể tự hoại → Bể thu gom

+ Nước thải (nguồn số 05) → Bể thu gom

Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank
→ Bể màng MBR → Bể chứa nước sau xử lý → Hồ ga → Cổng thoát nước trên
tuyến tránh QL50.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH; Javen; Đường

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc
đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại
Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung
tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi
chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, tình
trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bể tự hoại
và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh
thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn; hút hầm
bể tự hoại định kỳ.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống
xử lý nước thải, bể tự hoại, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, bảo trì
và bảo dưỡng hệ thống; thực hiện giảm công suất và có kế hoạch xử lý kịp thời
khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c
khoản 2 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường và Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã
Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - CO.OPMART CẦN GIUỘC đã cung
cấp kết quả hoàn thành việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu
gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án bảo đảm đáp ứng
quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này
trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực, tuyến tránh QL50. Cơ sở

chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Trường hợp xả thải vào hệ thống thoát nước chung khu vực, tuyến tránh QL50 nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới việc thoát nước chung khu vực, tuyến tránh QL50, Cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình hệ thống thoát nước chung khu vực, tuyến tránh QL50.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, ... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý, xả nước thải của dự án.

3.5. Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có phát sinh mùi không đảm bảo theo quy định.

3.6. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 422/GPMT-UBND
ngày 06/9/2024 của UBND huyện Cần Giuộc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, công suất 400 KVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả thải của ống thoát khí thải máy phát điện: X = 1172880; Y = 599225 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰). Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Siêu thị Co.opmart Cần Giuộc, khu phố Thanh Ba, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải được xả gián đoạn, chỉ xả khi máy phát điện hoạt động.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO được thu gom và thải trực tiếp qua ống thoát khí bằng thép, đường kính 168mm, cao 4m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có): không

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm.

Khí thải, bụi phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu

sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm và hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.2. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 422/GPMT-UBND
ngày 06 / 9 /2024 của UBND huyện Can Giuộc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 400 KVA.

+ Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực bố trí dàn nóng của hệ thống điều hòa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 1: $X_1 = 1172880$; $Y_1 = 599225$

- Tọa độ nguồn số 2: $X_2 = 1172882$; $Y_2 = 599227$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, xây dựng công trình để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

- Phương tiện giao thông khi tập kết nguyên vật liệu và sản phẩm cần tắt máy trong thời gian chờ đợi

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 422/GPMT-UBND
ngày 16 / 9 / 2024 của UBND huyện Cần Giuộc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
Chất thải nguy hại phát sinh khoảng **61,5 kg/năm**, cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	6
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	0,5
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	NH	4
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	NH	41
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác...), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	10
Tổng khối lượng phát sinh					61,5

1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng **52.425 kg/năm**, cụ thể:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, giấy vụn	18 01 05	Rắn	TT-R	51.161,5
2	Bao bì nhựa (Nylon)	18 01 06	Rắn	TT-R	924
3	Kệ sắt thải		Rắn	TT-R	339,5
Tổng khối lượng phát sinh					52.425

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 120 kg/ngày. Chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...) rác thải vô cơ (bao gồm: nylon, vỏ lon, thủy tinh, ...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng PVC loại 60 lít có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 2,5 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí riêng biệt với thiết kế nền chống thấm, có có gờ chắn, rãnh bao xung quanh đảm bảo an toàn trong quá trình lưu giữ, có biển cảnh báo phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Lưu chứa trong container.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 14,77 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường với thiết kế nền chống thấm, thùng kín bao quanh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 thùng nhựa PVC 660L; 04 thùng nhựa PVC 240L và 09 thùng nhựa PVC 20L có nắp đậy

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 12,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt với thiết kế có nền bê tông, có mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

- Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126

của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy./.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 422/GPMT-UBND
ngày 06/9/2024 của UBND huyện Cần Giuộc)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

5. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND thị trấn nơi hoạt động dự án.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

9. Chủ đầu tư phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.